

TÁC PHẨM CỦA LỖ TẤN - NHAN ĐỀ VÀ THỂ LOẠI

Lê Thời Tân

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Tóm tắt: Lỗ Tấn là một đại biểu lớn của văn hóa Trung Hoa buổi đầu phục hưng và hiện đại hóa. Ông hoạt động trên nhiều lĩnh vực văn hóa – từ sáng tác cho đến dịch thuật, từ nghiên cứu phê bình cho đến khảo cứu và giáo dục. Các thể loại sáng tác-trước tác của văn hào gắn liền với yêu cầu thể loại và lĩnh vực hoạt động đó. Bài viết này tập trung giới thiệu, phân tích khái quát về thể loại và nhan đề một số tác phẩm nổi tiếng của nhà văn. Hy vọng công việc này góp phần cung cấp thêm tư liệu văn học sử cũng như giúp hình dung rõ thêm một chân dung văn hóa lớn của Trung Hoa đầu thế kỷ XX.

Từ khóa: Lỗ Tấn, thể loại, nhan đề, tác phẩm.

Nhận bài ngày 25.12.2022; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 20.1.2023

Liên hệ tác giả: Lê Thời Tân; Email: lttan@daihocthudo.edu.vn

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Lỗ Tấn là đại văn hào đồng thời cũng là dịch giả. Lỗ Tấn mở đường cho việc biên soạn văn học sử đồng thời cũng là một nhà khảo cứu văn hóa lớn. Giới học thuật còn biết đến ông trong tư cách là nhà thư pháp, nhà thiết kế mỹ thuật. Dĩ nhiên số lượng thể loại sáng tác-trước tác của ông gắn liền với yêu cầu của các lĩnh vực hoạt động văn hóa đó. Bài viết này tập trung giới thiệu phân tích khái quát về thể loại các sáng tác-trước tác của nhà văn. Công việc này thể tất liên quan đến việc cắt nghĩa một số nhan đề những tác phẩm nổi tiếng của nhà văn.

2. NỘI DUNG

2.1. Thể loại tác phẩm của Lỗ Tấn

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 130 ngày sinh của nhà văn, Trường Giang Văn nghệ Xuất bản Xã cũng đã xuất bản bộ sách mới *Lỗ Tấn đại toàn tập* (鲁迅大合集) 33 quyển, 14500 trang. Sách biên soạn bởi Lý Tân Vũ (李新宇 Đại học Nam Khai) và Chu Hải Anh (周海婴 con trai Lỗ Tấn) [2]. Bộ sách phối hợp cách thức biên niên với phân loại thể loại. Tức xếp các tất cả các tác phẩm của Lỗ Tấn vào bốn mảng lớn: Sáng tác, dịch thuật, mỹ thuật. Mảng sáng tác gồm: truyện, thơ, tản văn, kịch bản, tạp văn, luận văn, lời tựa và lời bạt, quảng cáo và cả thư tín cùng nhật ký, các bản thảo bài nói mà sinh thời Lỗ Tấn chưa thẩm duyệt cũng như các phiên đoạn ngữ lục lời Lỗ Tấn mà người đương thời còn nhớ được. Mảng dịch thuật

ngoài phần các bản dịch cũng còn có cả phần “lời ghi sau khi dịch của dịch giả”. Mảng học thuật gồm các tác phẩm Trung Quốc tiểu thuyết sử lược, Hán văn học sử cương yếu cùng các cổ tịch mà Lỗ Tấn biên tập, ngoài ra còn có cả bản văn bia mà Lỗ Tấn chỉnh lý và nghiên cứu; Mảng mỹ thuật gồm tranh, thư pháp, thiết kế bìa sách của chính Lỗ Tấn, cũng còn có cả các tác phẩm mỹ thuật mà Lỗ Tấn biên tập. Mỗi mảng tác phẩm này lại được sắp xếp theo trình tự thời gian sáng tác hay trước tác. Chẳng hạn mảng sáng tác sắp xếp từ quyển 1 đến quyển 10, trong đó quyển 1 gồm các tác phẩm từ 1988 đến 1918, quyển 2 tiếp nối các tác phẩm từ 1919 đến 1924; Quyển 31 và 32 dành cho các tác phẩm mỹ thuật, trong đó quyển 31 là từ 1909 đến 1934, quyển 32 từ 1935 đến 1936; Cuối cùng của bộ Lỗ Tấn đại toàn tập là quyển 33 là quyển sách dẫn của cả bộ sách.

Đến đây đã có thể thống nhất lại một cách phân loại tác phẩm của Lỗ Tấn từ góc độ thể loại như sau:

- | | |
|---------------------------|--|
| + Truyện ngắn, truyện vừa | + Nghiên cứu phê bình (gồm cả nghiên cứu phê bình hội họa, mỹ thuật) |
| + Tản văn, tạp văn | + Khảo cứu văn học nghệ thuật |
| + Thơ, thơ văn xuôi | + Dịch thuật |
| + Kịch bản | |

Truyện, tản - tạp văn và thơ là phần sáng tác văn chương của văn hào. Nói như Phan Khôi đó là “là tất cả cái vinh quang của sự nghiệp văn học Lỗ Tấn”. Giản Chi cơ bản cũng hình dung trước tác của Lỗ Tấn gồm ba loại (Hiệu đính và biên toàn, Dịch thuật, Sáng tác) như phân loại của Phan Khôi. Chúng tôi nghĩ “hiệu đính và biên toàn” không phản ánh hết trước tác nghiên cứu học thuật của Lỗ Tấn, do vậy nên xếp *Trung Quốc tiểu thuyết sử lược* vào loại nghiên cứu hoặc khảo cứu (Phan Khôi coi công trình này thuộc loại hiệu chỉnh biên toàn). Về thơ cũng nên thấy rằng, Lỗ Tấn hoặc vẫn làm thơ luật hoặc đi tiên phong khai phá thơ văn xuôi. Bậc mở màn cho văn xuôi bạch thoại bằng thiên truyện *Cuồng nhân nhật ký* đó hầu như không viết tân thi - thơ mới (vai trò đó thuộc về Hồ Thích). Ở trường hợp Lỗ Tấn tản văn, tạp văn là thể phức tạp dùng rất nhiều hình thức văn xuôi phong phú từ ghi chép, bút ký, bàn luận, bút chiến, hồi tưởng lục, tùy bút cho đến tạp cảm, nhàn đàm, thời đàm,... Đây là phần hoạt động văn chương sôi nổi gắn liền với sinh hoạt báo chí và xuất bản đương thời của Lỗ Tấn. Phần này nếu không tạo nên chiều sâu chân dung văn hóa Lỗ Tấn thì cũng là phần đã tạo nên nét màu cơ bản cho bức chân dung này. Về ngoại ngữ, Lỗ Tấn thông thạo Nhật ngữ. Ông cũng có học tiếng Đức và biết tiếng Nga. Các ngoại ngữ đó giúp đỡ đắc lực cho công việc dịch thuật của ông. Khi giới thiệu truyện Lỗ Tấn nói riêng văn xuôi tự sự Trung Quốc nói chung, một vấn đề đáng chú ý là cách dùng từ “tiểu thuyết”. Về vấn đề này chúng tôi đã có dịp đề cập nhân bàn đến bản dịch *Sơ lược lịch sử tiểu thuyết Trung Quốc*:

“Tác phẩm học thuật quan trọng nhất của Lỗ Tấn, cuốn sách góp phần đặt nền móng cho khoa văn học sử tại Trung Quốc - *Trung Quốc tiểu thuyết sử lược* (*Zhongguo xiaoshuo shilue*) đã có bản dịch tiếng Việt *Sơ lược lịch sử tiểu thuyết Trung Quốc* (Lương Duy Tâm dịch, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1996, Nxb. ĐHQGHN, 2000). Độc giả Việt ngữ chỉ cần lướt qua một lượt mục lục cuốn sách là đã đủ thấy cách gọi (sơ lược) *lịch sử tiểu thuyết* trong nhan đề bản dịch là không phù hợp với thực tế nội dung cuốn sách. Vấn đề dường như không chỉ còn gói gọn trong câu chuyện dịch thuật. Thực tế thì ngay từ những ngày đầu Lỗ Tấn

được giới thiệu ở Việt Nam, độc giả đã được chứng kiến tình trạng không dứt khoát rạch ròi về mặt sử dụng thuật ngữ “tiểu thuyết” trong thực tế dịch thuật và bàn luận về tác phẩm của văn hào này. Phan Khôi là một ví dụ. Đọc một đoạn trong bài *Đời sống và sự nghiệp văn học của Lỗ Tấn* đủ thấy Phan Khôi không chú ý lắm tới cách dùng thuật ngữ “tiểu thuyết” theo cách hiểu của người Trung Quốc trong phân biệt với cách hiểu của người Việt Nam: “Về tạp văn, tôi sẽ nói ở hai đoạn sau, ở đây xin nói về **tiểu thuyết** của ông. Kể về lượng thì **tiểu thuyết** Lỗ Tấn không nhiều bằng tạp văn, nhưng kể về phẩm thì hai thứ ngang nhau, **tiểu thuyết** cũng có cái đặc sắc của tiểu thuyết. Trọng yếu nhất là hai **truyện ngắn Nhật ký người điên** và *A Q chính truyện*”. Giới thiệu của ông về cuốn *Trung Quốc tiểu thuyết sử lược* cũng phản ánh điều đó: “Như bộ *Trung Quốc tiểu thuyết sử lược*, liệt kê những **tiểu thuyết** cổ từ đời Hán đến đời Thanh, tóm tắt nội dung, thêm lời luận đoán gọn mà rõ, người đọc có thể do đó tìm thấy cái vết phát triển và tiến bộ của **tiểu thuyết** (người dẫn nhấn mạnh bằng in đậm - LTT) **Trung Quốc**”. Có thể nói trong tình hình tiếng Việt có phân biệt **tiểu thuyết** với *truyện ngắn* và *truyện vừa*, việc không chú ý đó gây ảnh hưởng tiêu cực cho nhận thức vấn đề thể tài tự sự trong văn học Trung Quốc cũng như trong văn học Việt Nam.

Thực ra, cũng giống như tại Việt Nam, tiếp xúc văn học phương Tây ở Trung Quốc đầu thế kỷ XX làm nảy sinh nhu cầu phải có tên gọi cho thể loại tự sự trường thiên phân hoặc không phân chương trong văn học Âu Mỹ. Hai chữ “tiểu thuyết” vốn có từ xa xưa trong ngôn ngữ Hán bắt đầu được đưa ra dùng lại trong một hệ thống thuật ngữ văn học mới phục vụ cho việc thống nhất tên gọi các thể loại văn xuôi tự sự hư cấu vừa xuất hiện: *đoản thiên tiểu thuyết*, *trung thiên tiểu thuyết* và *trường thiên tiểu thuyết* (câu chuyện cũng tương tự như việc vào đầu thế kỷ trước người Trung Quốc ghép chữ “triết” và “học” hay các chữ “kinh” “tế” vốn có để tạo tên gọi bộ môn triết học và kinh tế vậy). Vậy là thay cho những là *truyện kì*, *chí nhân*, *chí quái*, *chí dị* xa xưa - văn học hiện đại Trung Quốc bắt có *truyện ngắn*; thay cho *thoại bản*, *thuyết thư*, *chương hồi*, *diễn nghĩa* - văn học hiện đại Trung Quốc có tiểu thuyết đánh số thứ tự các chương bằng con số hoặc đơn giản chỉ cách các trường đoạn văn bản tự sự bằng một số ký hiệu văn bản (ba dấu *hoa thị* chẳng hạn) nhất định. Hệ thống thuật ngữ *đoản thiên tiểu thuyết*, *trung thiên tiểu thuyết* và *trường thiên tiểu thuyết* chính là chỉ ba thể loại tự sự mà tiếng Việt gọi bằng các từ *truyện ngắn*, *truyện vừa* và *tiểu thuyết*. Trong lúc từ *tiểu thuyết* của tiếng Việt chuyên chỉ thể loại tự sự trường thiên thì trong tiếng Trung khi dùng độc lập không kèm các định ngữ đoản-trung-trường thiên thì thường chỉ chung các văn bản tự sự hư cấu hoặc nói sáng tác truyện nói chung. Bản thân Lỗ Tấn cũng dùng từ “tiểu thuyết” hiểu theo nghĩa như thế trong toàn bộ công trình nhan đề *Trung Quốc tiểu thuyết sử lược* hay *Trung Quốc tiểu thuyết đích lịch sử đích biên thiên*. Như vậy cụm từ “*Trung Quốc tiểu thuyết*” trong nhan đề tác phẩm của Lỗ Tấn cần được hiểu là chỉ (các dạng thức, dòng phái) văn xuôi tự sự (cổ - trung đại) Trung Quốc.” [3, tr.131-132] Và vì thế nhan đề *Trung Quốc tiểu thuyết sử lược* cần được dịch hay hiểu là “lược sử văn xuôi tự sự Trung Quốc”.

2.2. Nhan đề một số tác phẩm tiêu biểu của Lỗ Tấn

Sáng tác của Lỗ Tấn gắn liền với sinh hoạt báo chí và nhà xuất bản. Ông là nhà văn sống bằng ngòi bút, vì vậy viết đồng nghĩa với in báo, xuất bản sách. Các thiên truyện vốn xuất hiện đầu tiên trên mặt báo để sau đó kết tập dưới một nhan đề chung của một quyển sách; Các tập tạp văn với một tên gọi nhất định trên thực tế là những quyển sách gom in các bài

tạp văn, tản văn, luận chiến, nhàn đàm vốn đều là các bài viết cho báo và tạp chí trong những quãng thời gian nhất định (thường một quãng vài năm). Ngay những cuốn sách nghiên cứu lớn như *Trung Quốc tiểu thuyết sử lược* (中国小说史略) vốn ban đầu cũng chính là các bài giảng soạn đề lên lớp cho sinh viên văn khoa Đại học Bắc Kinh. Thực tế đó một mặt cho ta thấy tư thế gắn mình với sinh hoạt văn hóa thời đại, trạng thái cuốn mình vào gió lớn của xã hội, chứ không phải kiêu biệt cư sơn phòng trước tác đề tàng chỉ danh sơn, hay thưởng hoa lấm nguyệt viết văn nhàn thích. Mặt khác, tình hình đó cũng đòi hỏi độc giả thời sau tiếp xúc di sản của ông cần được giới thiệu qua vài lời về tên gọi các sách của nhà văn. Điều này càng cần thiết hơn đối các độc giả chỉ có thể tiếp xúc với Lỗ Tấn qua một số sách dịch chọn lọc. Có thể sơ bộ giới thiệu qua xuất xứ của các sách in tác phẩm Lỗ Tấn - phần mà các nhà nghiên cứu phê bình Trung Quốc quen gọi là “thích nghĩa tên sách” để độc giả có được một hình dung chung về tác phẩm Lỗ Tấn.

Nhiệt phong (熱風, gió nóng) là tập tạp văn xuất bản năm 1925. Tập gồm những sáng tác thuộc thời kỳ đầu của Lỗ Tấn. Như chính tác giả bộc bạch đặt tên tập tạp văn là “nhiệt phong” ý ông mong muốn những bài tạp văn viết ra trong cái hoàn cảnh lạnh lẽo của thời cuộc lúc bấy giờ sẽ như là ngọn gió nóng. Một năm sau (1926) Lỗ Tấn cho xuất bản tập tạp văn tiếp theo nhan đề *Phản* (墳, mộ) như là để chôn cất những gì đã trôi qua trong một niềm lưu luyến nhất định. *Hoa cái tập* (華蓋集) tập hợp các bài tạp văn viết năm 1925. Trong năm này Lỗ Tấn nhân vì cho đăng hai thiên tạp văn *Giảo văn trực tự* (đeo từ nhai câu) và *Thanh niên tất độc thư* (thanh niên phải đọc sách) mà vấp phải sự công kích của nhiều người cũng tự cho mình là văn nhân học giả. Tác giả gọi đó là gặp vận “sao hoa cái chiếu mệnh” (hoa cái chỉ vận xấu). Một năm sau, “Năm thay tháng đổi mà tình hình vẫn thế” (lời Lỗ Tấn) nên khi gom in các bài tạp văn thành sách, vẫn tiếp tục dùng hai chữ “hoa cái” trong đầu đề tập sách - *Hoa cái tập tục biên* (Hoa cái - tập nối tiếp). Tình hình xã hội, thời cuộc xấu đi trông thấy trong những năm 1927, 1928. Quân phiệt phản động đàn áp giết chóc tràn lan: “Năm nay tôi lại thấy bao nhiêu máu và nước mắt. Vậy mà tôi cũng chỉ có “tạp cảm” mà thôi. Lệ khô, máu phai mà bọn giết người vẫn nhờn nhờn nhờn, hết đòn cứng sang đòn mềm. Vậy mà tôi cứ cũng chỉ có “tạp cảm” mà thôi. Rồi đến lúc “tạp cảm” cũng bị đặt vào chỗ nên đặt chúng vào đó, thế là tôi chỉ có “thế thôi” mà thôi”. *Nhi dĩ tập* (而已集) tập hợp các bài tạp văn viết ra trong cái hoàn cảnh đành thế “mà thôi” (nhi dĩ) đó. Năm 1928 tranh luận nổ ra xoay quanh đề tài văn học cách mạng giữa Lỗ Tấn và các nhà xuất bản Sáng Tạo và Thái Dương. Thành Phương Ngô nói Lỗ Tấn “đang ngồi chép tiểu thuyết cũ dưới tán hoa cái”. Thành Phương Ngô mỉa mai Lỗ Tấn đang trốn mình giữa một khoảng trời đất riêng của mình để làm thứ văn nghệ giải trí nhắm đến “nhàn rồi, nhàn rồi và nhàn rồi”. Chính vì vậy mà nhà văn khi xuất bản tập tạp văn mới vào năm 1932 đã đặt tên là *Tam nhàn tập* (三閒集), ngụ ý đáp lại Thành Phương Ngô. Năm 1930, trên *Dân Quốc nhật báo* có bài đăng nói Lỗ Tấn tham gia Đồng Minh Hội và Tả Dực Tác gia Liên minh là do “bị Cộng sản Đảng khuất phục”. Trước đó cũng đã có luận điệu cho rằng Lỗ Tấn là tay chân của Mạc Tư Khoa. Lỗ Tấn tập hợp các bài tạp văn viết trong các năm 1930 - 1931 xuất bản thành sách dưới nhan

đề Nhị tâm tập (二心集 “hai lòng”) để mĩa mai bọn mà ông gọi là bôi bút thực sự. Lỗ Tấn nói “các nhà văn ngự dụng khoác cho tôi cái danh hiệu mới đủ thấy trên văn đàn của họ quả có vua thật”. Bắt đầu từ nửa sau năm 1933, mục *Tự do đàm* trên tờ *Thân báo* từ chối đăng các bài bình luận, tạp cảm ngán của Lỗ Tấn. Nhà văn nhận ra hai chữ “tự do” kia thực ra chỉ là một lối nói ngược. Ông gom các bài từng đăng trên báo này cùng các bài không thể đăng tiếp in thành sách *Ngụy tự do thư* (偽自由書) xuất bản năm 1933. Từ nửa sau năm 1933, mục *Tự do đàm* đăng quảng cáo “mời gọi các nhà văn quan tâm nhiều hơn đến đề tài gió trăng, bớt nói chuyện bức tức thời sự”. Lỗ Tấn tương kế tựu kế viết hàng loạt bài tạp cảm bên ngoài nói chuyện “phong nguyệt” thực chất bàn chuyện “phong vân” (thời cuộc chính trị). Năm 1934, các bài đó xuất bản tập trung thành tập *Chuẩn phong nguyệt đàm* (准風月談 - cũng là bàn chuyện gió trăng). Đầu đề sách ngụ ý giễu cợt chủ trương tránh bàn chuyện thời cuộc, lãng vào đề tài trăng hoa tuyết nguyệt của tờ *Thân báo*. Tháng 1 năm 1933, trên tờ *Xuất bản tin tức* ra tại Thượng Hải có bài nói chuyện Lỗ Tấn khẩu âm (giọng nói) pha tạp, có chút nói lắp nhưng lại thích diễn thuyết. Lỗ Tấn trả lời “Tôi không biết nói giọng Tô Châu mềm mại, không biết thánh thót giọng Bắc Kinh, tôi chẳng ra thuần giọng vùng nào, ăn nhập giọng miền nào. Thực là chém cha pha tiếng, giọng Nam đá giọng Bắc.” Nhan đề *Nam xoang bắc điệu* (南腔北調集) đặt cho tập tạp văn xuất bản tháng 3 năm 1934 chính là một cách tự trào mà cũng là một cách đáp trả bài báo của tác giả Mỹ Tử nhân chuyện nhà văn này bàn chuyện giọng nói của ông. *Thả giới đình tạp* (且介亭雜文) tập hợp các bài tạp văn viết trong thời gian Lỗ Tấn trú tại một khu bán tô giới ở Thượng Hải. “Thả” (且) và “Giới” (介) là các nửa trong hai chữ Hán “Tô” và “Giới” (租界 - concession/nhượng địa). Đầu đề tập tạp văn là một cách chiết tự ngụ cái ý chủ quyền của Trung Quốc chỉ còn một nửa. Về sau Lỗ Tấn tiếp tục cho xuất bản *Thả giới đình nhị tập* (且介亭雜文二集 Thả giới đình quyển tiếp) rồi *Thả giới đình mạt biên* (且介亭雜文末編 Thả giới đình quyển cuối). Lỗ Tấn giải thích nhan đề tập sách *Hoa biên văn học* (花邊文學 xuất bản 1934) trong lời tựa cho chính sách này: “Một là vì các bài tạp văn này khi đăng báo thường in trong các ô chạy đường riềm hoa văn. Hai nữa là vì “hoa biên” (花邊) cũng là tên gọi khác của giấy bạc. Đủ thấy các bài đó viết vì nhuận bút, chẳng có gì khả thủ”.

Tạp tạp văn *Triêu hoa tịch thập* (朝花夕拾 chiều hôm nhặt hoa ban mai - một dạng hồi tưởng lục) vốn đặt tên *Cựu sự trùng đề* (nhắc lại chuyện cũ) là những thiên hồi ức thời niên thanh khi tác giả đã qua tuổi trung niên.

Tạp văn Lỗ Tấn dường như có thể chia thành hai thời kỳ. *Phân*, *Nhiệt phong*, *Hoa cái tập*, *Hoa cái tục biên* và *Nhi dĩ tập* thuộc về thời kỳ đầu. Thời kỳ thứ hai bao gồm *Tam nhân tập*, *Nhị tâm tập*, *Nam xoang Bắc điệu*, *Ngụy tự do thư*, *Chuẩn phong nguyệt đàm*, *Hoa biên văn học*, *Thả giới đình tạp văn*, *Thả giới đình tạp văn nhị tập*, *Thả giới đình mạt tập*, *Tạp ngoại tập*, *Tạp ngoại tập thập di*, *Tạp ngoại tập thập di bổ biên*. Tập truyện đầu tiên của Lỗ Tấn - *Nột hám* (Gào thét - bản dịch Trương Chính) gom in 14 truyện ngắn viết trong thời

gian 1918 - 1923. Bài *Tự tự* (*Tự viết lấy* - Trương Chính dịch) cho *Gào thét* đồng thời với việc giới thiệu cùng độc giả hoàn cảnh làm tập sách còn cất nghĩa vì sao tập truyện lại có một nhan đề chung *Nột hám* (呐喊): “Tôi cảm thấy buồn chán, một nỗi buồn chán chưa từng biết, chính là từ buổi đó. Lúc đầu tôi không hiểu vì sao, sau nghĩ lại, mới rõ là phàm khi người ta chủ trương cái gì, nếu được tán thành thì người ta càng hăm hở thêm, nếu bị phản đối, người ta càng hăng hái phấn đấu. Chỉ khi hò hét giữa những người lạnh nhạt, thờ ơ, không tán thành mà cũng không phản đối, thì cảm thấy như đứng giữa bãi sa mạc vô biên chẳng còn biết nên hành động ra sao nữa. Đau khổ biết bao nhiêu! Do đó tôi gọi cảm giác ấy là quạnh hiu. (... ..) Tôi vẫn cho rằng hiện nay, tôi không phải là người có điều gì bức thiết lắm, không nói ra không được. Nhưng hoặc giả bởi vì chưa quên hết nỗi quạnh hiu, đau khổ của mình ngày trước, nên có lúc không thể không gào thét lên mấy tiếng, để an ủi những kẻ dưng sĩ đang bôn ba trong chốn quạnh hiu, mong họ ở nơi tiền khu được vững tâm hơn. Còn như tiếng gào thét của tôi hùng dũng hay bi ai, đáng ghét hay đáng buồn cười, điều đó tôi không hơi đâu nghĩ đến” [1].

Bàng hoàng (徬徨) là tập truyện ngắn thứ hai của Lỗ Tấn, gom in 11 truyện ngắn viết trong thời gian 1924 - 1925. Hoàn cảnh sáng tác chung của các truyện trong *Bàng hoàng* là cuộc thoái trào của phong trào Ngũ Tứ. Trong hàng ngũ những người cầm đầu công cuộc vận động tân văn hóa Ngũ Tứ có sự phân hóa lớn - “có người ra làm quan to, có người lui về im hơi lặng tiếng, cũng có người vẫn tiến lên” (Lỗ Tấn, Tự cho “Tuyển tập tự tuyển”). Nhà văn cảm thấy mình như một kẻ tiền phong trong thế trận không thành, cô độc, bàng hoàng. Tâm trạng đó được ông bộc lộ trong bài thơ đề từ cho tập truyện —“Đề tập *Bàng hoàng*”.

《題《徬徨》》 寂寞新文苑，平安舊戰場。 兩間餘一卒，荷戟獨徬徨。	Tịch mịch tân văn uyển, Bình an cựu chiến trường. Lưỡng gian dư nhất tốt, Hà kích độc bàng hoàng.
(Vườn văn mới im hơi lặng tiếng, Chiến trường cũ khói lửa đã tan. Người lính tro thừa giữa đất trời, Một mình vác giáo bàng hoàng)	Im ắng vườn văn mới Bình yên chiến trường xưa Giữa đất trời, một lính Độc vác giáo bơ vơ (Dịch thơ: Phan Văn Các)

Đầu đề tập truyện thu tóm cái tình điệu của chung của tác giả trong thời gian sáng tác 1924 - 1925. Bức họa vẽ cảnh lữ khách ngày tận đường cùng in phía trước sách cũng góp phần giúp độc giả cảm nhận được không khí chung của tập truyện.

Ngoài hai tập truyện ngắn nói trên, còn có thể kể đến tác phẩm *Đường Tổng truyền kỳ tập*. Trên thực tế *Đường Tổng truyền kỳ tập* là một phần của tập truyện ngắn thứ ba *Cổ sự tân biên* (故事新編) của nhà văn. Tập *Chuyện cũ viết lại* (Trương Chính dịch) này như chính tác giả nói - là một cách diễn nghĩa các câu chuyện thần thoại, truyền thuyết, truyền kỳ Trung

Hoa. Có thể xem 8 truyện viết trong thời gian 1922 - 1923 gom in trong tập này là những truyện ngắn viết về đề tài lịch sử. Lối diễn nghĩa hoặc nói “tân biên” lại các *cổ sự* đó theo như chính Lỗ Tấn giải thích chính là “chỉ lấy một chút nguyên do rồi tùy ý điểm tô, phô diễn thành thiên truyện”, tuy là viết về chuyện xưa “nhưng lại không viết chết mất cổ nhân” (Lời tựa cho *Cổ sự tân biên*). Truyện ngắn, truyện vừa Lỗ Tấn xét về lượng không nhiều, nhưng mức độ ảnh hưởng xã hội rất lớn. Đằng sau những hình tượng thân thuộc (người đàn ông nông dân tứ cố vô thân AQ, người đàn bà mất con Tường Lâm, nho sĩ thi trượt Khổng Ất Kỵ, một người điên) ẩn chứa những khái quát tư tưởng lớn về các vấn đề to lớn như quốc dân tính, bước cùng quần của con người, bản chất lịch sử văn hoá dân tộc, tiếp nối truyền thống và hiện đại... Cùng với một loạt văn hào thời đại Ngũ Tứ, Lỗ Tấn đã trở thành người đặt nền móng cho văn học Trung Quốc hiện đại. Ông đồng thời cũng là người mở đầu cho nền văn xuôi bạch thoại của Trung Hoa.

Bên cạnh đó, Lỗ Tấn cũng là người thí nghiệm thơ văn xuôi cho văn học Trung Quốc hiện đại. Hai mươi ba bài thơ văn xuôi viết từ năm 1924 đến 1926 được tập trung thành thi tập *Dã thảo* (野草). Đề từ cho tập thơ, Lỗ Tấn viết: “Tôi yêu cỏ dại mà càng ghét những chỗ đất trang sức cho bề mặt bằng trơn cỏ”. Đây có lẽ là ngụ ý của Lỗ Tấn khi chọn hình ảnh cỏ dại (dã thảo) đặt tên cho tập thơ của mình.

3. KẾT LUẬN

Đương thời Lỗ Tấn từng nói “Làm gì có thiên tài, tôi dùng thời gian mà người ta uống cà phê vào công việc của bản thân”. (哪里有天才，我是把别人喝咖啡的功夫都用在工作上). Nói như thế không có nghĩa là ông chỉ đơn giản là người cần cù. Lỗ Tấn là sự cần cù của một thiên tài. Khối lượng trước tác đồ sộ đó cho ta thấy sức lao động phi thường của nhà văn. Nhưng điều quan trọng hơn là phẩm cách đại văn hào cũng như chất lượng của các tác phẩm của ông. Hy vọng việc giới thiệu khái quát về thể loại và nhan đề các tác phẩm nổi tiếng của nhà văn cũng sẽ góp phần làm rõ thêm những nét màu lớn trong bức chân dung văn hóa đại văn hào Lỗ Tấn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lỗ Tấn (2016). *Tuyển tập truyện ngắn Lỗ Tấn* (Trương Chính dịch). Nhà xuất bản Văn học.
2. Lý Tân Ninh, Chu Hải Anh (2011). *Lỗ Tấn Đại Toàn Tập*. Trường Giang Văn Nghệ xuất bản xã.
3. Lê Thời Tân (2011). Trung Quốc tiểu thuyết sử lược của Lỗ Tấn đâu chỉ là lịch sử cho riêng thể tài tiểu thuyết Trung Hoa. *Tạp chí Văn học Nước ngoài (Hội Nhà văn Việt Nam)*. 9(105).

LU XUN'S WORKS - TITLES AND GENRES

Abstract: *Lu Xun is a great writer, translator, literary researcher, scientific knowledge writer, calligrapher, and art designer. The number of genres of his works is closely related to his qualifications and field of activity. This article focuses on introducing an overview analysis of genres and titles of some famous works of the writer.*

Keywords: *Lu Xun, genre, title, work.*